

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2025/DS-PT

Ngày: 18-9-2025.

V/v: “Tranh chấp chia tài sản chung;
chia thừa kế theo pháp luật; tranh
chấp hợp đồng tặng cho tài sản là
quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu.

Các Thẩm phán: Ông Hàng Lâm Viên.

Bà Ngô Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Trung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2025/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung; chia thừa kế theo pháp luật; tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 07/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Khánh Hòa) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 137/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 149a/2025/QĐ-PT ngày 25/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn T, sinh năm: 1961. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã P, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn T1, sinh năm: 1970. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã P, tỉnh Khánh Hòa.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Ngô Văn M – sinh năm 1962. (có mặt)
 2. Ông Ngô Văn T2 – sinh năm 1968. (có mặt)
 3. Ông Ngô Văn N – sinh năm 1958. (vắng mặt)
 4. Bà Phan Thị B – sinh năm 1958. (vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Thôn A, xã P, tỉnh Khánh Hòa.
5. Bà Ngô Thị L – sinh năm 1971. (vắng mặt)
 6. Bà Ngô Thị N1 – sinh năm 1975. (có mặt)
 7. Bà Lê Thị S – sinh năm 1973. (có mặt)
 8. Bà Lê Thị H – sinh năm 1970. (vắng mặt)
 9. Ông Trần Quốc K – sinh năm 1982. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã P, tỉnh Khánh Hòa.

10. Bà Trần Thị Thùy T3 – sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Khánh Hòa.

11. Bà Trần Thị Kim Á – sinh năm 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã U, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Ngô Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Ngô Văn T trình bày:

Cha ông Ngô Văn T tên Ngô L1 (sinh năm 1929, chết năm 2009) và mẹ tên Hồ Thị D (sinh năm 1931, chết năm 2011). Cha mẹ ông kết hôn và sinh được 08 người con chung tên Ngô Thị H1 (đã chết 2018, có chồng tên Trần Văn C chết năm 2024 và 04 người con tên Lê Thị H, Trần Thị Thùy T3, Trần Quốc K, Trần Thị Kim Á), Ngô Văn N, Ngô Văn T, Ngô Văn M, Ngô Văn T2, Ngô Văn T1, Ngô Thị L2, Ngô Thị N1. Cha mẹ không có con riêng và không có con nuôi.

Khoảng năm 1979, hộ gia đình cha mẹ ông được Hợp tác xã A giao đất nhận khoán, sau đó được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy CNQSDĐ ngày 19/12/2003 do hộ ông Ngô L1 đứng tên đối với các thửa đất số 107, 108, 225, 281. Đất tọa lạc tại thôn A, xã A. Sau khi nhận đất khoán cha mẹ ông trực tiếp canh tác. Khi cha mẹ

chết không để lại di chúc. Các anh chị em thỏa thuận phân chia tài sản chung, chia di sản thừa kế theo pháp luật nhưng ông T1 là người đang quản lý đất không đồng ý và cho rằng các anh em đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông T1. Ông T không tranh chấp thừa đất số 225, 281. Ông T yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 107 và thửa đất số 108 theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Ngô Văn T trình bày:

Ông T giữ nguyên nội dung và lời trình bày tại cấp sơ thẩm. Ông xác định không ký bất cứ một loại giấy tờ nào liên quan đến việc tặng cho, chuyển nhượng thửa 107, 108 như ông T1 trình bày nhưng ông thừa nhận có nhận tiền từ ông Ngô Văn T1.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Văn T1 trình bày:

Ông đồng ý với ý kiến của ông Ngô Văn T về quan hệ nhân thân và về nguồn gốc đất. Ông T yêu cầu chia tài sản chung, chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 107 và 108, ông không đồng ý vì các anh em trong gia đình đã chuyển nhượng hai thửa đất trên cho ông theo Giấy chuyển quyền sử dụng và cho đất kinh tế gia đình ngày 29/10/2011 và Giấy viết tay chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/12/2012. Các văn bản này đều có anh chị em trong gia đình ký tên. Các giấy tờ này ông đã nộp bản chính cho Tòa án cấp sơ thẩm. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông yêu cầu Tòa án hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án, bởi Tòa án cấp sơ thẩm đã không đánh giá tính hợp pháp của chứng cứ ông đã giao nộp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngô Văn T1 trình bày:

Ông T1 xác định thửa 107, 108 sau khi cha mẹ ông chết, các anh chị em trong gia đình đã chuyển nhượng cho ông các thửa đất trên, việc chuyển nhượng có làm giấy tờ viết tay, giá chuyển nhượng là 1.000.000đ/1phần/1thửa, ông đã trả đủ tiền cho các anh chị em ông. Ông xác định ông đã nộp bản chính giấy tờ chuyển nhượng hai thửa đất trên cho Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, sau đó Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước đã trả lại ông bản chính giấy tờ chuyển nhượng hai thửa đất này.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Ngô Văn M, ông Ngô Minh T4, bà Ngô Thị L đều có ý kiến trình bày:

Các ông, bà đều đồng ý với ý kiến của ông Ngô Văn T về quan hệ nhân thân, về nguồn gốc đất và về yêu cầu chia tài sản chung, yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 107, 108 và đều muốn được nhận đất để canh tác. Từ trước đến nay các ông bà không ký bất cứ giấy tờ chuyển nhượng đất cho ông T1.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị N1 có ý kiến trình bày:

Bà đồng ý với ý kiến của ông Ngô Văn T về quan hệ nhân thân và về nguồn gốc đất. Trước đây bà có ký giấy đồng ý để cho ông T1 canh tác đất và ông T1 có đưa cho bà số tiền 1.000.000 đồng. Sau này bà có nợ tiền của vợ chồng ông Ngô Văn N, bà Phan Thị B, sau đó ông T1 cũng đã trả nợ cho vợ chồng ông N thay bà nên bà đồng ý tặng cho phần đất của bà được chia cho ông T1. Nay ông T và ông T1 tranh chấp đất, bà đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn N trình bày:

Ông đồng ý với ý kiến của ông Ngô Văn T về quan hệ nhân thân và về nguồn gốc đất là của chung hộ gia đình do cha Ngô L1 làm chủ hộ. Sau khi nhận đất khoán cha mẹ là người quản lý đất, đến khi cha mẹ chết thì ông T1 quản lý đất.

Sau khi xem giấy nợ đề ngày 09/6/2005 mà ông T1 cung cấp cho Tòa án thì ông N khẳng định chữ ký chữ viết trong giấy nợ là do ông viết và tự ghi tên cha Ngô Lâu mượn tiền 20.000.000 đồng của bà T5 có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Ngô Lâu. Sau này ông và ông T1 thỏa thuận: ông T1 sẽ tự trả tiền cho bà T5 dùm cho ông N thì ông N đồng ý tặng cho ông T1 phần đất của mình được hưởng trong khối tài sản chung cấp cho hộ gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị B trình bày:

Bà là vợ của ông Ngô Văn N, là chị dâu của ông Ngô Văn T và ông Ngô Văn T1 đang tranh chấp đất. Bà đồng ý với ý kiến của chồng là ông N. Năm 2005 do kinh tế khó khăn nên vợ chồng bà có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cha Ngô L1 để thế chấp khi vay tiền 20.000.000 đồng của bà T5 ở cùng thôn A. Tại thời điểm đó bà Ngô Thị N1 (em chồng) cũng có nợ tiền vợ chồng bà. Vì vậy vợ chồng bà cùng với ông T1, bà N1 thỏa thuận: ông T1 sẽ tự bỏ tiền ra trả cho bà T5 để lấy giấy CNQSDĐ về giữ. Vợ chồng bà đồng ý tặng cho ông T1 phần đất của mình được hưởng trong khối tài sản chung cấp cho hộ gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị S trình bày:

Bà là vợ của ông Ngô Văn T1, khoảng năm 1995, lúc cha mẹ chồng (Ông L1, bà D) còn sống, thấy vợ chồng bà khó khăn nên cha mẹ chồng có cho vợ chồng bà tạm canh tác thửa đất số 107, 108 được Hợp tác xã cấp phát cho hộ gia đình ông Ngô Lâu. Vợ chồng bà đã trực tiếp canh tác đất và xây nhà tạm trên đất, đến năm 2017 thì vợ chồng bà có sửa sang nhà như bây giờ. Sau khi cha mẹ chồng chết thì khoảng năm 2011 ông Ngô Văn M đại diện các anh em trong gia đình đứng ra bán đất cho vợ chồng bà với giá 15.000.000 đồng, vợ chồng bà có nhờ ông X (đã chết 6-7 năm nay) làm giấy viết tay chuyển nhượng đất và các anh em ruột của ông T1 cùng

ký vô. Nay các anh em của ông T1 có yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất 107 và 108 thì bà đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Lê Thị H, Trần Thị Thùy T3, Trần Quốc K, Trần Thị Kim A trình bày: Các ông bà là con của bà Ngô Thị H1 (chết năm 2018) và ông Trần Văn C (chết năm 2024). Hiện ông Ngô Văn T và ông Ngô Văn T1 đang tranh chấp chia tài sản chung, chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất. Với tư cách là các con của bà H1, là cháu nội của ông L1, bà D, các ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến trình bày của mình tại cấp sơ thẩm và không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 07/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, quyết định:

Căn cứ vào:

Điều 26, 35, 39, Điều 147, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 219; Điều 457; 459; Điều 613; 649; 650; 651; 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 7 Điều 27; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chia tài sản chung, chia thừa kế, tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất như sau:

- Ông Ngô Văn T1 được quyền quản lý sử dụng thửa đất số 107 diện tích 1.027m², thuộc tờ bản đồ số 12 của Ủy ban nhân dân xã A. Đất tọa lạc tại thôn A, A, N, Ninh Thuận. Ông Ngô Văn T1 có quyền sở hữu tài sản gắn liền trên thửa đất 107.

- Ông Ngô Văn T, ông Ngô Văn M, ông Ngô Văn T2, bà Ngô Thị L, có quyền cùng quản lý sử dụng thửa đất số 108 diện tích 396,1m², thuộc tờ bản đồ số 12 của Ủy ban nhân dân xã A. Đất tọa lạc tại thôn A-A-N.

- Buộc ông Ngô Văn T1 phải hoàn trả giá trị đất chênh lệch cho các ông Ngô Văn T, ông Ngô Văn M, ông Ngô Văn T2, bà Ngô Thị L - mỗi người với số tiền là 5.070.000 đồng (năm triệu, không trăm bảy mươi ngàn đồng).

- Buộc ông Ngô Văn T1 phải hoàn trả giá trị đất được chia thừa kế cho bà Lê Thị H, bà Trần Thị Thùy T3, anh Trần Quốc K, bà Trần Thị Kim A, ông Trần Quốc K - mỗi người với số tiền là 683.000đồng (sáu trăm tám mươi ba ngàn đồng).

Ông Ngô Văn T1 là người đang trực tiếp quản lý sử dụng đất, phải có trách nhiệm giao thửa đất số 108 được phân chia như trên cho các ông Ngô Văn T, ông Ngô Văn M, ông Ngô Văn T2, bà Ngô Thị L cùng quản lý sử dụng.

Ông Ngô Văn T, ông Ngô Văn M, ông Ngô Văn T2, bà Ngô Thị L, có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để chỉnh lý quyền sử dụng đất chung cho phù hợp đối với thửa đất số 108.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ hoàn trả giá trị đất cho ông Ngô Văn T, ông Ngô Văn M, ông Ngô Văn T2, bà Ngô Thị L, bà Lê Thị H, bà Trần Thị Thùy T3, bà Trần Thị Kim A, ông Trần Quốc K, thì ông Ngô Văn T1 mới được quyền chỉnh lý sang tên quyền sử dụng đối với thửa đất số 107.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, quyền, nghĩa vụ các bên thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 19/5/2025, ông Ngô Văn T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo, phần đất thuộc thửa 107, 108 đã được các thành viên trong hộ tặng cho và chuyển nhượng cho ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông T1, hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án. Đơn kháng cáo của ông T1 làm trong hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét, giải quyết.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “*Tranh chấp chia tài sản chung; chia thừa kế theo pháp luật; tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất*” là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Tại phiên tòa, ông T1 yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của ông Ngô Văn T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1.1] Thừa đất 107, 108 đang tranh chấp được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ngô L1 ngày 19/12/2003. Nguồn gốc đất được Hợp tác xã giao khoán cho hộ ông Ngô L1 vào năm 1979, các đương sự đều thừa nhận đây là tài sản chung của hộ gia đình, do đó đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật dân sự.

Như vậy, thừa đất 107, 108 thuộc quyền sử dụng chung của hộ gia đình ông Ngô L1, bà Hồ Thị D.

[3.1.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Văn T1 không đồng ý chia tài sản chung, chia di sản thừa kế đối với thừa đất 107, 108 vì cho rằng các anh em trong gia đình đã chuyển nhượng hai thừa đất trên cho ông theo Giấy chuyển quyền sử dụng và cho đất kinh tế gia đình ngày 29/10/2011, Giấy viết tay chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/12/2012. Các văn bản này đều có anh chị em trong gia đình ký tên. Các giấy tờ này ông có nộp bản chính cho Tòa án cấp sơ thẩm.

Hồ sơ vụ án thể hiện, ông Ngô Văn T1 có nộp bản photo Giấy chuyển quyền sử dụng và cho đất kinh tế gia đình ngày 29/10/2011 (BL64) và Giấy viết tay chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/12/2012 (BL 65) cho Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ để ông T1 cung cấp bản chính các tài liệu trên. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông T1 cung cấp Biên bản giao nhận ngày 29/4/2025, ngày 07/5/2025 thể hiện ông T1 nộp bản chính của 02 Giấy viết tay cho Tòa án ngày 29/4/2025, đến ngày 07/5/2025 ông T1 nhận lại bản chính 02 Giấy viết tay này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông T1 chỉ nộp bản photo Giấy chuyển quyền sử dụng và cho đất kinh tế gia đình ngày 29/10/2011 và Giấy viết tay chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/12/2012, từ đó không đánh giá chứng cứ nêu trên là sai lầm nghiêm trọng, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án.

[3.1.3] Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Công văn số 103/PTCKH-CS ngày 28/4/2025 của Phòng Tài chính kế hoạch huyện N xác định giá thừa đất tranh chấp là 86.700 đồng/m² là không phù hợp, bởi mức giá này được quy định tại các Quyết định 14/2020/QĐ-UBND và 79/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh N, được áp dụng trong trường hợp thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, không phản ánh giá thị trường thừa đất đang tranh chấp. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T1 hoàn trả giá trị đất chênh lệch theo giá 86.700 đồng/m² là không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự khác.

[3.1.4] Đối với phần đất di sản của bà Ngô Thị H1 (chết năm 2018), những người thừa kế của bà H1 không có yêu cầu độc lập về việc chia thừa kế nhưng Tòa án cấp phúc thẩm đã chia thừa kế phần của bà H1 cho những người thừa kế là vượt quá yêu cầu của các đương sự.

[3.1.5] Tại phần Quyết định của bản án có ghi: “Ông Ngô Văn T1 được quyền quản lý sử dụng thửa đất số 107 diện tích 1.027m², thuộc tờ bản đồ số 12 của Ủy ban nhân dân xã A. Đất tọa lạc tại thôn A, A, N, Ninh Thuận. Ông Ngô Văn T1 có quyền sở hữu tài sản gắn liền trên thửa đất 107.” Qua kiểm tra Trích lục bản đồ địa chính ngày 23/12/2024 kèm theo bản án không thể hiện thửa 107 có diện tích 1.027m² như đã tuyên, như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên thửa đất số 107 diện tích 1.027m² là sai sót, gây khó khăn trong việc thi hành án.

Những vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm nêu trên là vi phạm nghiêm trọng, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, kháng cáo của ông Ngô Văn T1 về việc hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[3.2] Về chi phí tố tụng, án phí:

- Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã tạm ứng 8.000.000 đồng, số tiền này sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án.

- Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông T1 không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn lại cho ông T1 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001621 ngày 20/5/2025.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn; Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 07/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa xét xử lại theo quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Ngô Văn T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông T1 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001621 ngày 20/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Phước.

Án xử phúc thẩm công khai, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 18/9/2025).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND khu vực 8 – Khánh Hòa;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Khánh Hòa;
- Phòng TTKT&THA;
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Diệu

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Diệu

